

## Phụ lục 2

### ĐIỀU KIỆN CHO VAY CHUNG

#### I. Những quy định đầu tiên

1. Những điều kiện cho vay chung (sau đây gọi là „**ÚOP**“) được công ty IDCC EUROPE Finance, a.s., trụ sở tại Praha 4, PSC 14200, V Lužich 735/6, số đăng ký kinh doanh IČO: 24729906, đăng ký trong danh bạ thương mại tại tòa án thành phố Praha, mục B, tệp 16450 (sau đây gọi là „**Công ty**“ hoặc „**IDCE**“) ban hành, tuân theo quy định pháp luật, đặc biệt là điều §1752 bộ luật số 89/2012 Sb., bộ luật dân sự.
2. ÚOP quy định quyền lợi và nghĩa vụ, nếu không quy định khác trong hợp đồng tín dụng hay hợp đồng khác (sau đây gọi là „**Hợp đồng**“), dựa trên cơ sở này Công Ty trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp khoản vay hay các sản phẩm tài chính được ký kết giữa Công Ty và khách hàng – pháp nhân hay cá nhân (sau đây gọi là „**Khách hàng**“). ÚOP cũng áp dụng cho các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tới biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ của Hợp đồng, và kể cả hợp đồng bảo đảm ký với bên thứ ba (hợp đồng bảo đảm cũng sẽ gọi là Hợp đồng)
3. Nếu các điều khoản của Hợp đồng quy định khác với quyền lợi và nghĩa vụ trong ÚOP này, các điều khoản quy định trong Hợp đồng có hiệu lực.
4. ÚOP này có giá trị và dùng cho mọi lúc, nếu trong Hợp đồng tương ứng có thỏa thuận, rằng ÚOP là một bộ phận của nó.

#### II. Mức, mục đích và điều kiện giải ngân

1. Dựa trên ngành nghề kinh doanh của mình, Công ty cung cấp cho Khách hàng các khoản vay, hay bảo lãnh, dưới dạng và cách thức như trong Hợp đồng đã ký kết.
2. Dựa trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết, Khách hàng có quyền được cung cấp khoản vay, hay bảo lãnh, đến mức thỏa thuận trong Hợp đồng.
3. Có thể thỏa thuận cung cấp khoản vay, hay bảo lãnh bằng loại tiền tệ khác đồng tiền CZK. Nếu trong Hợp đồng không thỏa thuận gì khác, khoản vay sẽ được cung cấp và được trả nợ bằng loại tiền đã thỏa thuận. Điều này không ảnh hưởng tới việc thanh toán phí và các chi phí khác bằng tiền CZK, nếu không có thỏa thuận gì khác.
4. Sau khi thực hiện đủ điều kiện giải ngân quy định trong Hợp đồng, Công ty cung cấp cho Khách hàng khoản vay đến mức Số tiền cho vay tối đa được thỏa thuận trong Hợp đồng, nếu:
  - a) Hợp đồng đã được ký kết hợp pháp bởi Khách hàng, và Công ty đã nhận được tất cả hồ sơ, tài liệu như đã thỏa thuận, và
  - b) tất cả các phí quy định trong Hợp đồng đã được trả trong thời hạn thỏa thuận, và
  - c) không xảy ra vi phạm nghĩa vụ hay thực tế hay các thay đổi nêu trong điểm VI của ÚOP và/hoặc trong Hợp đồng,
  - d) tài sản bảo đảm đã được hình thành theo luật pháp và theo Hợp đồng.
5. Công ty không có nghĩa vụ phải giải ngân cho Khách hàng khoản vay theo Hợp đồng trong trường hợp những điều kiện chung nêu trên và cả những điều kiện đặc biệt để giải ngân khoản vay nêu trong Hợp đồng không được đáp ứng đủ như mong muốn của Công Ty (trừ khi Công ty không bắt buộc khách hàng phải đáp ứng đủ những điều kiện này ngay khi giải ngân, tuy nhiên, Khách hàng vẫn có nghĩa vụ bảo đảm

đáp ứng ngay những điều kiện đó). Trong trường hợp Công ty giải ngân khoản vay và đồng thời không cấp cho Khách hàng được quyền ngoại lệ bằng văn bản và/hoặc Khách hàng không đáp ứng được các điều kiện bổ sung tương ứng, Công ty sẽ có các quyền tương tự như trường hợp Khách hàng vi phạm hợp đồng theo điểm VI của ÚOP này.

6. Công ty đánh giá cẩn thận việc đáp ứng các điều kiện giải ngân và Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp cho Công Ty những văn bản liên quan để đáp ứng điều kiện giải ngân với nội dung và cách thức mà Công Ty chấp nhận được. Nếu Công ty ban hành các biểu mẫu tương ứng và/hoặc mẫu đơn, Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng những biểu mẫu và/hoặc mẫu đơn mà Công ty ban hành để chứng minh việc đáp ứng các điều kiện giải ngân.
7. Nếu trong Hợp đồng có thỏa thuận giải ngân khoản vay cho mục đích cụ thể, Khách hàng chỉ được nhận giải ngân và sử dụng khoản vay được Công ty cung cấp đúng theo mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Công ty có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, xem xét mục đích cho từng lần giải ngân và có thể từ chối bất kỳ lần giải ngân nào mà Khách hàng không chứng minh được đầy đủ và không được Công ty phê duyệt và/hoặc có sự nghi ngờ về việc thực hiện đúng mục đích đã thỏa thuận của khoản vay được giải ngân này (hoặc bất kỳ khoản vay nào trước đây).
8. Công Ty có quyền giao cho bên thứ ba kiểm tra mục đích nhận giải ngân và mục đích sử dụng khoản vay với chi phí do Khách hàng chịu, nếu điều này cần thiết và/hoặc có sự nghi ngờ hợp lý mà Khách hàng không bác bỏ được.
9. Việc sử dụng khoản vay đúng mục đích đã thỏa thuận chỉ là nghĩa vụ của Khách hàng và mọi hành vi hay việc thụ động của Công Ty không loại trừ nghĩa vụ này của Khách hàng. Việc không kiểm tra mục đích nhận giải ngân và sử dụng khoản vay không ảnh hưởng tới quyền của Công Ty được bắt đầu tiến hành việc kiểm tra này.
10. Khách hàng thừa nhận cả hậu quả hình sự có thể phát sinh khi vi phạm nghĩa vụ nhận giải ngân và sử dụng khoản vay do Công Ty cung cấp đúng theo mục đích đã thỏa thuận. Vì Công ty không có nghĩa vụ kiểm tra mục đích sử dụng theo thỏa thuận của khoản vay, trong bất kỳ trường hợp nào Công ty không và không thể chịu trách nhiệm liên quan tới mục đích Khách hàng thực tế sử dụng khoản vay.

#### III. Tính lãi và trả nợ, phí

1. Để được cung cấp khoản vay, Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tiền lãi thỏa thuận trong Hợp đồng.
2. Tiền lãi luôn được tính từ phần khoản vay đã cung cấp, từ ngày khoản tiền này được chuyển khỏi tài khoản của Công ty sang cho Khách hàng, và đến ngày khoản tiền tương ứng được trả lại vào tài khoản tương ứng của Công ty.
3. Lãi và cả lãi trả chậm sẽ được tính và hạch toán trên cơ sở một năm có 360 ngày và tính tháng theo đúng số ngày thực tế và trong trường hợp trả dần đều trên sẽ tính trên cơ sở một năm có 360 ngày và một tháng có 30 ngày.
4. Khách hàng có nghĩa vụ trả cho Công ty nợ gốc và lãi vào thời hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng. Nếu ngày thanh toán nợ không phải là ngày làm việc, hạn trả nợ sẽ chuyển sang ngày làm việc gần nhất.
5. Khách hàng có nghĩa vụ giữ trong tài khoản tương ứng của mình có đủ tiền để trả nợ khoản vay vào những ngày thanh toán nợ. Nếu có thể, Khách hàng thiết lập cho Công ty quyền được trích thu nợ từ tài khoản của Khách hàng, dựa theo đó

Công ty có quyền được trích thu khoản nợ trực tiếp từ tài khoản tương ứng của Khách hàng.

6. Trong trường hợp khoản tiền Khách hàng trả hoặc khoản thu nợ trích thẳng từ tài khoản Khách hàng không đủ để thanh toán cho tất cả các khoản nợ đến hạn của Công ty, Công ty sẽ quy định hộ cho Khách hàng khoản tiền này dùng trả cho khoản nợ nào, không cần biết đến ý định của Khách hàng. Nếu Công ty không quy định gì khác, khoản tiền thu được này sẽ sử dụng như sau:
  - a) thanh toán lãi trả chậm, hoặc tiền phạt,
  - b) thanh toán các chi phí và phí,
  - c) thanh toán lãi thông thường,
  - d) thanh toán nợ gốc.
7. Từ phần tiền Khách hàng trả chậm, nhất là chậm thanh toán tiền nợ gốc, thanh toán phí, thù lao và tiền hoa hồng hoặc chậm thanh toán bất kỳ khoản nợ tiền nào khác theo Hợp đồng, Khách hàng có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền lãi trả chậm với mức thỏa thuận trong Hợp đồng.
8. Khoản nợ gốc sau thời hạn thanh toán sẽ tiếp tục tính lãi thông thường đã thỏa thuận trong Hợp đồng và thêm vào đó là lãi trả chậm đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Lãi từ nợ gốc chưa thanh toán quá hạn và lãi trả chậm phải được thanh toán ngay.
9. Khách hàng chỉ có thể hoàn trả cả nợ gốc lẫn lãi trước hạn bằng khoản trả đặc biệt dựa trên thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Khách hàng và Công ty, trong đó sẽ ghi rõ các điều kiện thanh toán trước hạn kể cả các phí phát sinh. Khoản vay đã trả trước hạn không thể giải ngân lại.
10. Trong trường hợp có bất kỳ khoản thanh toán nào cho khoản nợ của Khách hàng đối với Công ty trả vào tài khoản của Công ty từ tài khoản không phải của Khách hàng, khoản nợ của Khách hàng này được coi là thanh toán đầy đủ chỉ trong trường hợp Công ty nhận được chứng nhận của chủ tài khoản có khoản tiền chuyển đi này (có công chứng chữ ký), rằng khoản tiền này dùng để trả cho khoản nợ của Khách hàng. Nếu không có chứng nhận này thì khoản nợ của Khách hàng coi như chưa được thanh toán.
11. Bên cạnh các phí, chi phí và hoa hồng thỏa thuận trong Hợp đồng, Công ty, khi cung cấp dịch vụ của mình, có quyền tính cho Khách hàng các phí và chi phí theo Bảng phí của Công ty, là một phần của ÚOP.

#### IV. Tài sản bảo đảm

1. Việc thanh toán đầy đủ mọi khoản nợ phải thu của Công ty từ Khách hàng, chủ yếu là nợ gốc của khoản vay đã được cung cấp (hoặc sẽ cung cấp trong tương lai), nợ lãi đã thỏa thuận, lãi trả chậm, tiền phạt theo hợp đồng, phí, thù lao, hoàn trả chi phí, bồi thường thiệt hại, vv, bất kể khoản nợ trong tương lai hoặc có điều kiện và đồng thời mọi khoản nợ Công ty phải thu từ Khách hàng trong trường hợp không thanh toán hoặc trường hợp mất hiệu lực của Hợp đồng (sau đây cũng gọi là „**Khoản nợ được bảo đảm**“) được bảo đảm bằng cách thức được thỏa thuận trong Hợp đồng với Khách hàng hoặc bên thứ ba (sau đây gọi là „**Tài sản bảo đảm**“).
2. Khách hàng có nghĩa vụ, liên tục cho đến khi hoàn trả hết Khoản nợ được bảo đảm, bảo đảm duy trì tốt Tài sản bảo đảm đã cung cấp để có hiệu lực thích ứng với Khoản nợ được bảo đảm của Công ty.
3. Trong trường hợp giá trị Tài sản bảo đảm giảm xuống hoặc mất giá, Khách hàng có trách nhiệm bổ sung Tài sản bảo đảm ít nhất đến giá trị cũ, trong thời hạn 30 ngày từ lúc nhận được lời đề nghị của Công ty. Sự giảm hoặc mất giá giá trị Tài sản bảo đảm có thể hiểu là những thực tế sau:

- a) Tài sản bảo đảm do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp và/hoặc một phần của nó trở thành không hợp lệ, không hiệu lực, không thể thực thi, không thể thi hành hoặc không thể đòi được,
  - b) Tài sản bảo đảm được cung cấp trên cơ sở thông tin không chính xác, không đầy đủ hoặc sai lệch,
  - c) giá trị tài sản được dùng để bảo đảm, vì bất kỳ cách thức nào, bị mất giá (dù là bị thiệt hại do hậu quả của sự thay đổi trong thị trường tương ứng, vv)
  - d) bị hình thành thế chấp, hoặc các quyền lợi khác đối với tài sản dùng làm Tài sản bảo đảm mà không được sự đồng ý của Công ty.
4. Khách hàng bằng chi phí của mình có nghĩa vụ bảo đảm (và duy trì) mọi quyết định, giấy phép, phê duyệt, đơn đề nghị, hồ sơ, đăng ký, vv, mà trên cơ sở những văn bản này Tài sản bảo đảm được hình thành và hợp lệ theo những quy định pháp luật tương ứng.
  5. Khách hàng có nghĩa vụ thông báo sự hình thành Tài sản bảo đảm cho những người liên quan và thông báo việc này cho Công ty, ví dụ thông báo cho bên nợ về việc thế chấp khoản phải thu, vv.
  6. Công ty có quyền xử lý chuyển Tài sản bảo đảm thành tiền (sau đây gọi là „**xử lý Tài sản bảo đảm**“) trong trường hợp Khách hàng chậm thanh toán bất kỳ lần trả nào cho Khoản nợ được bảo đảm, điều này không ảnh hưởng tới bất kỳ quyền lợi gì của Công ty theo Hợp đồng và/hoặc theo ÚOP này.
  7. Trong trường hợp Công ty xử lý Tài sản bảo đảm, Công ty sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, và trong trường hợp có thể lựa chọn, cách thức xử lý Tài sản bảo đảm sẽ được Công ty quyết định. Công ty có quyền xử lý mọi Tài sản bảo đảm hoặc một phần của nó theo ý của mình. Việc Công ty không xử lý một phần của Tài sản bảo đảm được cung cấp không cản trở việc Công ty xử lý phần này của Tài sản bảo đảm bất kỳ lúc nào sau đó theo cân nhắc của Công ty.
  8. Nguồn thu từ việc xử lý Tài sản bảo đảm sẽ dùng để thanh toán cho mọi Khoản nợ được bảo đảm, theo thứ tự Công ty quy định, nếu không sẽ theo quy định trong ÚOP này. Sau khi thanh toán mọi Khoản nợ được bảo đảm này, Công ty sẽ chuyển phần tiền thu được từ việc xử lý Tài sản bảo đảm còn dư cho Khách hàng trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên nếu sau khi xử lý Tài sản bảo đảm và sau khi dùng tiền thu được thanh toán cho Khoản nợ được bảo đảm vẫn còn Khoản nợ được bảo đảm chưa đến hạn thanh toán, Công ty, theo cân nhắc của mình, có quyền giữ lại một phần từ tiền thu được sau khi xử lý Tài sản bảo đảm như là bảo đảm cho việc thanh toán Khoản nợ được bảo đảm này trong tương lai. Khoản tiền giữ lại này sẽ không tính lãi và sau khi mọi Khoản nợ được bảo đảm được thanh toán hết, Công ty sẽ trả lại cho Khách hàng khoản tiền này trong vòng 30 ngày.
  9. Trong trường hợp Tài sản bảo đảm được bên thứ ba không phải Khách hàng cung cấp, quy định ở trên sẽ áp dụng tương tự, chỉ khác là phần tiền dư sau khi thanh toán hết Khoản nợ được bảo đảm sẽ trả lại cho bên thứ ba cung cấp Tài sản bảo đảm này. Công ty không có nghĩa vụ thông báo cho bên thứ ba cung cấp Tài sản bảo đảm khác với Khách hàng về việc Khách hàng trả chậm hoặc về các thực tế khác mà có thể dẫn tới việc xử lý Tài sản bảo đảm.
  10. Trong trường hợp Tài sản bảo đảm được bên thứ ba cung cấp, bên thứ ba này, bằng việc ký kết Hợp đồng bảo đảm tương ứng, đồng ý rằng, Tài sản bảo đảm được cung cấp này dùng bảo đảm cho mọi Khoản nợ được bảo đảm (kể cả chi phí cho việc xử lý Tài sản bảo đảm) ngay cả khi có sự thay đổi, chỉnh sửa, tăng lên, vv trên cơ sở mối quan hệ giữa Công ty và Khách hàng.
  11. Khách hàng thừa nhận mọi nghĩa vụ đối với Công ty cả về lý do lẫn mức độ.

12. Các bên thống nhất rằng khoản nợ được bảo đảm sẽ hết hạn đòi nợ trong vòng năm (5) năm kể từ thời hạn thanh toán, trong trường hợp nghỉ nhận nợ muộn hơn thì thời hạn hết hạn đòi nợ sẽ tính lại từ đầu.

#### V. Nghĩa vụ của Khách hàng và của bên cung cấp Tài sản bảo đảm

1. Trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng, có nghĩa là đến lúc hoàn thành tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng, Khách hàng có nghĩa vụ:

- a) thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty khoản vay đã được cung cấp kể cả tiền lãi theo thỏa thuận, phí, thù lao, chi phí, vv, được quy định trong Hợp đồng, trong ÚOP này hoặc trong Bảng phí do Công ty ban hành, là một phần của ÚOP này.
- b) duy trì tất cả các giấy phép, ý kiến và các quyết định khác không thể thiếu để Khách hàng tiến hành các hoạt động/kinh doanh (sau đây gọi là „**Giấy phép**“), đồng thời tất cả các Giấy phép này phải hợp lệ, có hiệu lực, không bị vi phạm và không được có lo ngại hợp lý là một trong những quyết định và tuyên bố này sẽ bị phản đối bằng các biện pháp pháp lý, hoặc các quyết định đó bị vi phạm, thay đổi, tịch thu hoặc hủy bỏ;
- c) bảo đảm để việc thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh từ Hợp đồng không bị đối lập với các trách nhiệm khác kể cả trách nhiệm pháp lý hay trách nhiệm hợp đồng;
- d) đảm bảo để các thông tin ghi trong mọi tài liệu (sau đây gọi là „**Tuyên bố**“) nộp cho Công ty, mà căn cứ vào đó Công ty ký kết Hợp đồng, phải đúng, đầy đủ, có hiệu lực và phải thông báo cho Công ty ngay bằng văn bản, muộn nhất là trong 14 ngày sau khi có sự thay đổi ghi trong Tuyên bố;
- e) đảm bảo vị trí công bằng và bình đẳng cho Công ty đối với các bên cho vay khác của Khách hàng mà không có quyền được ưu tiên theo pháp luật, đặc biệt không được ưu tiên thanh toán cho những bên cho vay khác trước việc thanh toán các khoản nợ cho Công ty và không cung cấp cho bất cứ bên cho vay nào những quyền lợi và sự bảo đảm tốt hơn là đã cung cấp cho Công ty theo Hợp đồng;
- f) không cung cấp bất kỳ biện pháp bảo đảm nào liên quan tới tài sản của mình khi không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty;
- g) bảo đảm để không xảy ra bất kỳ quyền được đền bù từ tài sản của Khách hàng nào mà được ưu tiên trước quyền được thanh toán cho Khoản nợ được bảo đảm của Công ty;
- h) chỉ sử dụng kinh phí được giải ngân trên cơ sở Hợp đồng cho mục đích nêu trong Hợp đồng và không sử dụng kinh phí được giải ngân trên cơ sở Hợp đồng để tài trợ cho các đảng phái chính trị, cho những hoạt động bất hợp pháp và những hoạt động mà xã hội không thể chấp nhận được (ví dụ như sản xuất và buôn bán các chất ma túy, chất hướng thần, vũ khí, đạn dược, thiết bị quân sự và các công nghệ liên quan, vv);
- i) thông báo cho Công ty bằng văn bản về việc tài sản của mình bị thế chấp hoặc phát sinh quyền ưu tiên khác đối với tài sản này, và phải thông báo ngay lập tức, muộn nhất là trong 3 ngày từ khi có thực tế trên

hoặc sau khi được biết hoặc có thể biết về sự hình thành quyền lợi này;

- j) hoạt động sao cho không bị mất khả năng thanh toán cũng như không bị đe dọa mất khả năng thanh toán;
  - k) duy trì tài sản của mình có bảo hiểm hợp pháp ;
  - l) thông báo bằng văn bản cho Công ty về mọi thực tế đe dọa việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng, nhất là về những tố tụng toà án, tòa án trọng tài phân xử hoặc các tố tụng khác, về các thiệt hại gây ra, vv.
  - m) không được tiến hành các thay đổi về tổ chức, pháp lý và các thay đổi khác nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty (ví dụ bán toàn bộ hoặc một phần doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh, kết thúc hoạt động kinh doanh hoặc một phần quan trọng của nó, mất quyền được kinh doanh, trong trường hợp pháp nhân không được ly khai một bộ phận trong tổ chức của Khách hàng, sát nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi, tiếp quản, giảm vốn điều lệ);
  - n) không chấp nhận các nghĩa vụ và/hoặc không thực hiện bất kỳ giao dịch gì đối với tài sản của mình (mua, bán, vay, tín dụng, leasing) trong phạm vi lớn hơn ½ khoản tiền vay mà Khách hàng được Công ty cung cấp nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty;
  - o) đến để ký thoả thuận về việc công nhận nghĩa vụ của mình đối với Công ty phát sinh từ Hợp đồng, trong phạm vi nợ gốc và các khoản nợ khác liên quan trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty gửi thư yêu cầu, đồng thời thoả thuận về việc công nhận nghĩa vụ này được viết dạng văn bản công chứng (chỉ phí Khách hàng chịu), sẽ bao gồm sự đồng ý của Khách hàng để Công ty được quyền thi hành trực tiếp (không qua tòa án) đối với nghĩa vụ được công nhận này;
  - p) thực hiện nghĩa vụ kế toán đầy đủ để kế toán thể hiện trung thực tình hình kinh tế của Khách hàng và nộp cho Công ty bản sao những văn bản kế toán khi Công ty yêu cầu;
  - q) thực hiện đầy đủ và đúng hạn mọi nghĩa vụ hợp đồng và nghĩa vụ pháp lý của mình, đặc biệt là nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tương tự;
2. Khách hàng có nghĩa vụ thông báo cho Công ty mọi thay đổi mà có thể có tác động tiêu cực đến khả năng thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ của mình đối với Công ty.
3. Khách hàng và những người cung cấp Tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chính là:
- a) bảo đảm sao cho Tài sản bảo đảm do bên thứ ba cung cấp ít nhất phải khả thi và có giá trị tương ứng và không bị mất giá cho đến ngày tất toán đầy đủ Khoản nợ được bảo đảm;
  - b) duy trì tài sản dùng để bảo đảm (sau đây gọi là „**Tài sản**“) được bảo dưỡng tốt, có bảo hiểm và thực hiện bảo dưỡng và đầu tư cần thiết cho Tài sản;
  - c) nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty, không được phép làm hỏng Tài sản, đặc biệt là không được bán, làm tổn hại, cho thuê, vv.;
  - d) bảo đảm để không phát sinh bất kỳ quyền được ưu tiên bồi thường từ Tài sản nào trước quyền của Công ty được thanh toán cho Khoản nợ được bảo đảm của mình từ Tài sản bảo đảm.

## VI. Việc vi phạm Hợp đồng của Khách hàng và quyền của Công ty

### 1. Trong trường hợp:

- a) Khách hàng thanh toán chậm cho bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào của Khách hàng đối với Công ty (đặc biệt là thanh toán cho các khoản vay đã được cung cấp kể cả lãi, phí, thù lao, chi phí đã thỏa thuận) quá 10 ngày sau thời hạn thanh toán nó;
- b) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ gì của mình phát sinh từ Hợp đồng, ÚOP và/hoặc hợp đồng khác liên quan hay thỏa thuận giữa Khách hàng và Công ty, và/hoặc
- c) Tài sản, mà từ đó Công ty có thể dùng để bồi thường cho các khoản phải thu của mình đối với Khách hàng, bị mang dấu giá, bị tịch biên hay bị thi hành quyết định của cấp thẩm quyền;
- d) bất kỳ tuyên bố của Khách hàng hay thông tin mà Khách hàng cung cấp cho Công ty trở thành sai lệch, hết sức méo mó, không đầy đủ hoặc không chính xác, và/hoặc
- e) có đơn đề nghị trong khuôn khổ tiến hành thủ tục phá sản liên quan đến Khách hàng, đến Tài sản hay đến cá nhân kiểm soát Khách hàng hoặc bị Khách hàng kiểm soát, đến mức có thể đe dọa việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Công ty;
- f) bắt đầu tiến hành tố tụng đối với Khách hàng hoặc liên quan đến Tài sản, mà có thể đe dọa việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Công ty

thì Công ty có quyền thực hiện một hoặc nhiều biện pháp dưới đây:

- (i) đề nghị Khách hàng sửa chữa vi phạm trong thời gian hợp lý;
- (ii) ngừng hoặc hạn chế giải ngân khoản vay cho đến khi đảm bảo sửa chữa vi phạm;
- (iii) quyết định rằng một phần hay toàn bộ khoản vay mà Công ty cung cấp cho Khách hàng kể cả lãi thỏa thuận, chi phí, phí, vv đến hạn thanh toán ngay lập tức, và trong thời hạn Công ty sẽ thông báo cho Khách hàng;
- (iv) rút khỏi Hợp đồng và những hợp đồng liên quan và yêu cầu thanh toán các khoản vay mà Công ty đã cung cấp cho Khách hàng kể cả lãi thỏa thuận, chi phí, phí, vv, và trong thời hạn Công ty sẽ thông báo cho Khách hàng;
- (v) yêu cầu thanh toán tiền phạt tương ứng theo hợp đồng và/hoặc bồi thường thiệt hại

2. Những quyền lợi ghi trong các điểm trên của ÚOP không loại trừ cũng như không hạn chế việc áp dụng những quyền lợi cụ thể khác của Công ty đã thỏa thuận trong Hợp đồng và những quyền lợi mà Công ty có theo pháp luật hoặc từ hợp đồng khác với Khách hàng.

## VII. Khoản vay tiêu dùng

1. Công ty được quyền cung cấp khoản vay tiêu dùng.
2. Trong trường hợp các điều kiện trong UOP trái với các quy định của pháp luật liên quan đến khoản vay tiêu dùng, các quy định của pháp luật được ưu tiên trước quy định trong UOP.

3. Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp trung thực cho Công ty mọi thông tin cần thiết để đánh giá xem khoản vay sẽ cung cấp cho Khách hàng được xếp vào loại nào, có nghĩa là Khách hàng được coi là người tiêu dùng hay không.
4. Nếu Khách hàng cung cấp cho Công ty thông tin và dựa vào đó cho thấy khách hàng muốn ký kết với công ty Hợp đồng trong khuôn khổ việc kinh doanh của mình (và/hoặc ngược lại), thì Khách hàng không thể sau đó thay đổi mục đích này mà không có sự đồng ý của Công ty.
5. Trong trường hợp Khách hàng muốn dùng nguồn vốn cho mục đích kinh doanh và cả mục đích không phục vụ kinh doanh (chủ yếu trong trường hợp mua bất động sản để kinh doanh và cả mục đích cá nhân), Công ty có quyền yêu cầu ký kết Hợp đồng độc lập cho từng phần vốn vay.
6. IDCE cung cấp cho Khách hàng mọi thông tin dưới dạng lưu trữ được và thông số để Khách hàng xem xét xem có ký kết Hợp đồng với Công ty hay không và mọi thông tin mà luật pháp yêu cầu.

## VIII. Những quy định cuối

1. ÚOP này có hiệu lực từ 1.12.2016.
2. ÚOP này có thể được Công ty sửa đổi và/hoặc bổ sung bất kỳ lúc nào. ÚOP sửa đổi sẽ có hiệu lực giữa Công ty và Khách hàng, hay bên cung cấp Tài sản bảo đảm từ khi có thông báo về việc này cho Khách hàng, hay cho bên cung cấp Tài sản bảo đảm, nếu các bên liên quan này không có phản đối gì bằng văn bản gửi cho Công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Trong trường hợp có phản đối này, ÚOP sửa đổi trừ các quy định bị phản đối sẽ có hiệu lực giữa các bên.
3. Loại bỏ mọi cách đơn phương bù trừ nợ với các khoản nợ phải thu của Công ty, trừ khoản nợ phải thu của Công ty mà Công ty đã chấp nhận bằng văn bản và/hoặc được chấp thuận bởi các quyết định thi hành có hiệu lực.
4. Vì khoản vay được cung cấp cho Khách hàng nên Khách hàng không được phép chuyển nhượng các khoản phải thu của Khách hàng đối với Công ty cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty.
5. Việc thanh toán các khoản phạt theo hợp đồng không loại bỏ nghĩa vụ của Khách hàng bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra.
6. Trong trường hợp Khách hàng là nhiều người, thì những người này đều có trách nhiệm hoàn thành mọi nghĩa vụ cùng nhau và không tách biệt. Tất cả mọi hành động đối với Công ty đều phải tiến hành cùng nhau. Công ty hoàn thành nghĩa vụ của mình khi hoàn thành nó đối với bất kỳ ai trong số Khách hàng.
7. Việc bất kỳ quy định nào trong ÚOP này không còn hiệu lực hay không xác định được, không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định khác và các quy định tương ứng không còn hiệu lực sẽ được Công ty thay thế bằng các quy định có tính kinh tế tương đương.
8. Trong trường hợp Công ty không thi hành bất kỳ quyền lợi nào của mình ngay lập tức khi được phép thi hành, không có nghĩa là Công ty từ bỏ quyền lợi này và không ngăn cản việc thi hành nó bất kỳ lúc nào sau này.